

NGHỊ QUYẾT X CỦA ĐẢNG VÀ THỰC TIỄN CUỘC SỐNG

TƯ TƯỞNG CHỈ ĐẠO, PHƯƠNG CHÂM VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

VŨ VĂN VIÊN (*)

Bài viết phân tích một số vấn đề lý luận cơ bản nhằm góp phần làm rõ tư tưởng chỉ đạo, phương châm, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam. Trong đó, tập trung vào các nội dung chủ yếu sau: thứ nhất, kiên định, đổi mới và phát triển là tư tưởng chỉ đạo trong quá trình đổi mới ở Việt Nam; thứ hai, giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội, phát huy mọi nguồn lực nhằm phát triển đất nước bền vững là phương châm cơ bản; thứ ba, luận giải những nội dung cơ bản về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Công cuộc đổi mới của Việt Nam đã thu được những "thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử". Điều này được minh chứng trên hai khía cạnh:

1. Đất nước đã vượt ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội vào những năm 70 của thế kỷ XX, tình hình chính trị - xã hội ổn định.

2. Sự tăng trưởng kinh tế khá nhanh với nhịp độ tương đối cao và ổn định trong nhiều năm. Đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao, đất nước không ngừng tiến bộ.

Tuy nhiên, để có được những thành tựu ấy và để tiếp tục sự nghiệp đổi mới đất nước trong thời gian tới. Đảng và Nhà nước Việt Nam đã và đang ngày càng làm rõ hơn, hoàn thiện hơn những vấn đề lý luận cơ bản của sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam. Trong bài viết này, chúng tôi cố gắng phân tích một số vấn đề lý luận cơ

bản nhằm góp phần làm rõ tư tưởng chỉ đạo, phương châm, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam.

I. Kiên định, đổi mới, phát triển - tư tưởng chỉ đạo trong quá trình đổi mới ở Việt Nam

Trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội rơi vào khủng hoảng trầm trọng, Liên Xô và các nước Đông Âu tiến hành cải tổ, Trung Quốc thực hiện cải cách mở cửa; ngược lại, chủ nghĩa tư bản do có sự điều chỉnh nhất định, do tận dụng được những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại nên đã có những sự tăng trưởng khá mạnh mẽ, nhiều luồng tư tưởng đã cho rằng, chủ nghĩa xã hội không thể tồn tại, phát triển, từ đó phủ nhận chủ nghĩa xã

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

hội, lý tưởng hoá chủ nghĩa tư bản.

Trung thành với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức đúng đắn rằng, sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu thực chất là *sự sụp đổ của một mô hình về chủ nghĩa xã hội – mô hình kế hoạch hoá tập trung*, chứ không phải sự sụp đổ của lý luận chủ nghĩa xã hội do C.Mác và Ph.Ăngghen khởi xướng. Phân tích tính khoa học của quan niệm duy vật về lịch sử, học thuyết hình thái kinh tế – xã hội, bối cảnh thời đại, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đi đến khẳng định: Thời đại chúng ta vẫn là *thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội*. Cũng từ đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định lại sự đúng đắn của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà cách mạng Việt Nam đã lựa chọn, đề ra quyết tâm *kiên định phát triển đất nước theo con đường đi lên chủ nghĩa xã hội*.

Tuy nhiên, việc kiên định con đường đã lựa chọn không có nghĩa là làm theo cách cũ. Thông qua các thử nghiệm thực tế, đánh giá khách quan những sai lầm của mô hình cũ, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đi đến nhận định phải *đổi mới tư duy về chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam* mà về thực chất, là nhận thức lại về chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Công cuộc đổi mới đất nước chính thức được khởi xướng từ Đại hội VI, song đã có sự “suy ngẫm, tìm tòi” từ trước, mà điểm mốc là Hội nghị Trung ương 6 khoá IV. Qua quá trình tìm tòi, xây dựng, đường lối đổi mới, về cơ bản, đã hình thành tại Đại hội VI và thể hiện khá đầy đủ trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời*

kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tại Đại hội VII. *Cương lĩnh* đã thể hiện một cách nhìn tổng quát về chủ nghĩa xã hội và những phương hướng cơ bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ mới. Mục tiêu chung của chủ nghĩa xã hội mà Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra là “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”, về con đường phát triển - đó là sự phát triển bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Để đảm bảo giữ vững sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản” và những nội dung cơ bản khác, như về đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, về đối ngoại, về quốc phòng – an ninh, về giáo dục - đào tạo, về văn hoá, khoa học, giáo dục, v.v..

Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình khó khăn, phức tạp, do vậy, cùng với những nội dung cơ bản đã được khởi xướng, Đảng Cộng sản Việt Nam thường xuyên tìm tòi, tổng kết thực tiễn để bổ sung, phát triển. Chính vì vậy *phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam trở thành công việc thường xuyên* trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới ở Việt Nam. Từ những nội dung cơ bản được nêu lên trong *Đại hội VI, Đại hội VII và Cương lĩnh*, trải qua các kỳ Đại hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có sự bổ sung, phát triển mới. Chẳng hạn, về nhiệm vụ trọng tâm của từng giai đoạn: từ chỗ lấy *nông nghiệp* làm mặt trận hàng đầu (Đại hội V, tháng 3-1982) đến chỗ phải lấy *công nghiệp* làm mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển

công nghiệp nhẹ, công nghiệp nặng phát triển có chọn lọc (Hội nghị Trung ương, tháng 8-1986), rồi đến *đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020 (Đại hội VIII, tháng 6 - 1986). Hoặc từ mục tiêu chung mà Đại hội VII đã nêu, đến Đại hội IX, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định lại là “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” (điểm mới là có thêm cụm từ “dân chủ”). Về cụm từ “phát triển bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa”, đến Đại hội IX được cụ thể thêm là “bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa...”. Về Nhà nước, Đại hội VII giữa nhiệm kỳ (1/1994) khẳng định “Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy,... hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”, đến Đại hội VIII (6/1996) đã đặt ra yêu cầu phải xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân.

Phát triển lý luận là công việc thường xuyên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chính vì vậy, tại Đại hội X, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành tổng kết lý luận qua 20 năm đổi mới để làm cơ sở cho việc phát triển lý luận trong thời kỳ mới. Những nội dung tổng kết khá nhiều, song chúng ta có thể chú ý tới nhận định “chưa hình thành được một khung lý luận vững chắc về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”(1). Từ đó đặt ra nhiều vấn đề lý luận cần phải quan tâm, trong đó có vấn đề xây dựng *lý luận phát triển* cho thời gian tới. Đã có các cuộc hội thảo, các công trình khoa học tập trung

cho vấn đề này. Theo chúng tôi, việc xây dựng một lý luận phát triển với thể chế kinh tế thị trường làm cơ sở là việc làm cần thiết. Và, chúng ta có cơ sở để khẳng định rằng, lý luận phát triển ấy là sự phát triển cụ thể hoá quan điểm phát triển bền vững mà *Cương lĩnh* đã đặt ra.

II. Giữ vững sự ổn định chính trị – xã hội, phát huy mọi nguồn lực nhằm phát triển đất nước bền vững - phương châm cơ bản của công cuộc đổi mới ở Việt Nam

1. Vấn đề giữ vững ổn định chính trị – xã hội trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới đất nước

Khi bắt tay vào việc thực hiện đường lối đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định rõ phương châm phải giữ vững ổn định chính trị – xã hội trong quá trình đổi mới. Để thực hiện phương châm này, Việt Nam chủ trương đổi mới kinh tế phải đi trước một bước so với đổi mới xã hội, đổi mới chính trị. Đây được xem là quyết sách hàng đầu. Thực tiễn hơn 20 năm đổi mới đã chứng minh sự đúng đắn của quan điểm trên. Việc thực hiện phương châm ổn định chính trị – xã hội có ý nghĩa quyết định đến thành công của sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam.

Thứ nhất, với chủ trương trên, Việt Nam đã tránh được sự bất ổn về chính trị – xã hội, dồn tâm huyết và các nguồn lực cho việc phát triển kinh tế – xã hội nói chung, đổi mới cho việc tăng trưởng mạnh mẽ về kinh tế nói riêng

Chúng ta hoàn toàn có cơ sở để khẳng định rằng, đối với Việt Nam, *sự tăng trưởng về kinh tế đang là mối quan tâm*

(1) Báo cáo tổng kết: Một số vấn đề lý luận – thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986 - 2006). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.109.

hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong hơn 20 năm đổi mới, Việt Nam đã có những thành tựu nổi bật về tăng trưởng kinh tế. Điều này được thể hiện ở chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế khá cao và liên tục. Chẳng hạn, ngay từ giai đoạn 1991 đến 1996, mức tăng trưởng kinh tế cũng đã khá cao, riêng năm 1996 là 9,5%. Từ 1997 đến 2000, do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính, mức tăng có suy giảm, năm 1999 chỉ còn 4,9%. Giai đoạn từ 2001 đến nay, mức tăng trưởng cao dần và ổn định, năm sau cao hơn năm trước, đạt chỉ tiêu trung bình là 7,51%, riêng năm 2005 là 8,43%.

Rõ ràng, sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam thời gian qua là khá cao. Sự tăng trưởng kinh tế cao đã góp phần quan trọng làm thay đổi căn bản diện mạo kinh tế - xã hội của Việt Nam, bộ mặt đất nước không ngừng đổi mới, đời sống nhân dân được nâng cao. Đến năm 2005, tổng thu nhập quốc dân đạt 838 nghìn tỷ đồng (tương đương 53 tỷ USD), thu nhập bình quân đầu người trên 10 triệu đồng (tương đương 640 USD).

Cùng với mức tăng trưởng nhanh, cơ cấu kinh tế cũng được đổi mới, phát triển, tạo điều kiện để Việt Nam tích cực chủ động tham gia hội nhập kinh tế thế giới và khu vực, như tham gia AFTA năm 1995, APEC năm 1998 và năm 2006 tham gia WTO; xuất nhập khẩu tăng nhanh, tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm 2001 - 2005 là 111 tỷ USD, tăng bình quân 17,5%/năm, năm 2005 bình quân đầu người đạt 300 USD/năm.

Sự tăng trưởng kinh tế đã thúc đẩy quá trình nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; mức sống của người dân ngày càng được cải thiện rõ rệt.

Thành công nổi bật là từ chỗ thiếu lương thực, đến nay Việt Nam đã không những đảm bảo an toàn lương thực ở mức cao, mà việc xuất khẩu lương thực ngày càng tăng mạnh cùng với các mặt hàng khác, như cao su, may mặc, giày dép, hải sản... Cùng với mức sống của nhân dân được nâng cao, các lĩnh vực văn hóa, khoa học, giáo dục - đào tạo cũng không ngừng phát triển.

Sau hơn 20 năm đổi mới, phải thừa nhận rằng, những sự thay đổi như vậy, một phần là *nhờ sự tăng trưởng kinh tế tạo ra*. Mức tăng trưởng kinh tế nhanh đã tạo ra những tiền đề vật chất cho sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội. *Không có tiền đề vật chất ấy, Việt Nam không thể có được sự phát triển như vừa qua.* Đó là điều cần phải khẳng định và việc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn là nhiệm vụ thường xuyên trong thời gian tới. Với những nước chậm phát triển như Việt Nam, nhiệm vụ này cần phải được quan tâm đặc biệt.

Tuy nhiên, cũng phải nhận thấy rằng, để có được sự phát triển đất nước như thời gian qua, bên cạnh việc đẩy mạnh sự tăng trưởng kinh tế, Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng chú ý một cách sâu sắc đến vấn đề giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội. Và, theo chúng tôi, việc giải quyết tốt vấn đề ổn định chính trị - xã hội lại tác động tích cực đến sự tăng trưởng kinh tế của đất nước. Không có sự ổn định chính trị - xã hội khó có sự tăng trưởng kinh tế.

Có thể nói, sự tăng trưởng kinh tế và việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội có quan hệ, tác động biện chứng lẫn nhau. *Một mặt*, tăng trưởng chẳng những tạo tiền đề vật chất, mà còn tạo ra sức mạnh tinh thần để giữ được sự ổn định về chính

trị - xã hội. Có một thực tế khách quan là, những nước có sự tăng trưởng kinh tế tốt thì sự ổn định xã hội cũng được duy trì tốt hơn ở những nước kinh tế tăng trưởng thấp hoặc trì trệ. Ở một *khía cạnh khác*, có thể khẳng định rằng, sự ổn định về chính trị - xã hội cũng tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế. Điều dễ nhận thấy là, khi xã hội không ổn định thì không thể tăng trưởng kinh tế mạnh được, đặc biệt là khi xảy ra xung đột (sắc tộc, tôn giáo, các cộng đồng....) hoặc có chiến tranh thì sự tăng trưởng kinh tế sẽ rất chậm, thậm chí nền kinh tế có thể rơi vào trì trệ.

Thứ hai, việc giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội là điều kiện cần để phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã rất chú ý đến việc giữ gìn ổn định chính trị - xã hội. Chính đây là yếu tố quan trọng để thực hiện thành công con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Việt Nam đã lựa chọn.

Việc lựa chọn con đường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là yếu tố quyết định, vừa đảm bảo cho sự ổn định để phát triển, vừa tránh được những hậu quả xã hội tiêu cực, kể cả sự xung đột đẫm máu, như điều này đã diễn ra ở nhiều nước Đông Âu. Trên phương diện đối ngoại, nhờ giữ vững ổn định chính trị - xã hội, Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng có những chính sách đúng đắn, nêu cao tính độc lập tự chủ, giữ vững môi trường hòa bình, hữu nghị, nâng cao uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới, tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế, phát triển đất nước.

Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng, *ổn*

định không có nghĩa là trì trệ. Ổn định bao gồm cả đổi mới. Đây thực sự là ranh giới giữa ổn định để phát triển, tiến bộ với cầu toàn, bảo thủ, trì trệ. Cũng chính vì vậy mà cùng với sự tăng trưởng về kinh tế, Việt Nam cũng từng bước đổi mới về chính trị, xã hội để tạo ra môi trường thuận lợi hơn cho sự tăng trưởng kinh tế, phát triển đất nước. *Đổi mới trong ổn định, ổn định để đổi mới* - đó chính là chìa khóa giải quyết tốt quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và ổn định chính trị - xã hội. Giải quyết tốt mối quan hệ này là điều kiện cần thiết cho sự phát triển bền vững ở Việt Nam.

2. Về quan điểm phát triển bền vững

Cùng với phương châm giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội để tăng trưởng kinh tế, Đảng Cộng sản Việt Nam còn chủ trương chú trọng chiến lược phát triển bền vững. Điều này đã được khẳng định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Quan điểm phát triển bền vững có nội dung khá phong phú. *Trước hết*, để phát triển bền vững, Việt Nam chủ trương cùng với sự tăng trưởng về kinh tế, phải đảm bảo ***sự tiến bộ xã hội***. Chúng ta có cơ sở để khẳng định tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế không đồng nhất với nhau. Tăng trưởng và phát triển có chỗ giống nhau, nhưng cũng có chỗ khác nhau. Cái giống nhau giữa tăng trưởng và phát triển là cả hai đều nói lên sự dịch chuyển năng động, vượt ra khỏi trạng thái trì trệ, dậm chân tại chỗ. Chỗ khác nhau là tăng trưởng chỉ quan tâm tới chuyển dịch về lượng, còn phát triển lại quan tâm tới chất lượng của sự chuyển dịch đó.

Như vậy, khái niệm phát triển kinh tế có *nội hàm rộng hơn* khái niệm tăng

trưởng kinh tế. Phát triển kinh tế bao hàm sự tăng trưởng, nhưng *không phải mọi sự tăng trưởng đều dẫn đến phát triển*. Từ đó, Việt Nam chủ trương phát triển kinh tế phải là cơ sở vật chất để giải quyết các vấn đề xã hội tạo ra sự tiến bộ xã hội và không thể có sự phát triển kinh tế thuần túy tách khỏi việc giải quyết các vấn đề xã hội. Hơn nữa, nếu không giải quyết được các vấn đề xã hội thì phát triển cũng không thể tiếp tục được. Phát triển là tăng trưởng theo hướng tiến bộ, là sự gia tăng sản lượng của nền kinh tế, đồng thời tạo ra một cơ cấu kinh tế - xã hội tiến bộ hơn, đảm bảo cho con người có cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn cả trước mắt và lâu dài. Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, không có tăng trưởng thì cũng sẽ không có sự phát triển, *tăng trưởng là điều kiện, là tiền đề của sự phát triển*. Do điều kiện của mình, trong thời gian qua, ở Việt Nam, sự tăng trưởng về kinh tế đã được đặt lên hàng đầu. Điều này nhằm nhanh chóng khắc phục tình trạng khó khăn trong đời sống nhân dân và sớm đưa đất nước vượt qua khủng hoảng kinh tế. Nhưng, nếu chỉ chú ý đến tăng trưởng kinh tế mà không đặt nó trong bối cảnh chung của tiến bộ xã hội thì lợi bất cập hại. Để phát triển bền vững, ngoài việc đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, chúng ta phải quan tâm giải quyết tốt các vấn đề khác của đời sống xã hội và bảo đảm sự ổn định xã hội, đảm bảo sự tiến bộ xã hội.

Thứ hai, để phát triển bền vững, Việt Nam chủ trương cùng với sự tăng trưởng kinh tế phải giải quyết tốt vấn đề **bảo vệ môi trường sinh thái**. Khởi đầu, con người và xã hội tồn tại hài hòa với tự nhiên. Song, cùng với sự phát triển xã hội và môi trường sinh thái cũng càng ngày

càng suy giảm. Có thể thấy rằng, bước khởi đầu trong sự suy thoái môi trường sinh thái là việc con người sáng tạo ra các công cụ sản xuất bằng kim loại và bước vào kỷ nguyên xã hội văn minh - nền văn minh nông nghiệp. Để sản xuất nông nghiệp phát triển, con người đã biến đất hoang thành đất trồng trọt, tạo ra bước tiến về kinh tế, song nó cũng bắt đầu nảy sinh những vấn đề về sinh thái. Bước ngoặt thực sự về sự suy thoái của môi trường sinh thái là sự ra đời của máy hơi nước và xã hội chuyển sang nền văn minh công nghiệp.

Trong nền văn minh công nghiệp, quá trình công nghiệp hóa với sự khai thác tài nguyên thiên nhiên ồ ạt đã tạo ra bước tiến vượt bậc của sự tăng trưởng kinh tế. Song, chính sự say sưa theo đuổi những mục tiêu kinh tế, lãng quên việc bảo vệ môi trường đã làm cho môi trường sinh thái suy thoái trầm trọng, ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Hiện nay, vấn đề môi trường không chỉ là vấn đề của mỗi nước, mà còn là vấn đề toàn cầu. Cũng chính vì lẽ đó đã có nhiều tổ chức quốc tế, nhiều hội nghị quốc tế được tổ chức liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái. Có thể nói rằng, vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái đang là vấn đề sống còn của cả nhân loại. Cũng vì vậy, xét trên phạm vi toàn cầu, ngày nay, việc tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với việc bảo vệ môi trường sinh thái.

Chúng ta có cơ sở để khẳng định rằng, *giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái có quan hệ mật thiết với nhau trong phát triển*. Lúc đầu, để phát triển, sự tăng trưởng kinh tế được ưu tiên hàng đầu. Tuy nhiên, do không chú ý đến bảo vệ môi trường nên dần dần môi

trường sinh thái đã suy thoái trầm trọng, tác động xấu đến đời sống con người cũng như đến tăng trưởng kinh tế. Khi đó, để phát triển thì bên cạnh việc tăng trưởng kinh tế, con người đồng thời phải tính đến việc bảo vệ môi trường sinh thái.

Cũng phải thấy rằng, việc bảo vệ môi trường sinh thái không hề đơn giản. Nó đòi hỏi những điều kiện vật chất nhất định. *Trong giai đoạn hiện nay, có thể nói, tăng trưởng kinh tế là yếu tố cơ bản để có được cơ sở vật chất, tạo điều kiện cho việc bảo vệ môi trường sinh thái.* Ngược lại, việc bảo vệ môi trường sinh thái tốt sẽ đem lại cuộc sống tốt đẹp cho con người cũng như cho việc bảo vệ và tái sinh nguồn tài nguyên, tạo ra những động lực cho sự tăng trưởng kinh tế, đảm bảo cho sự phát triển. Rõ ràng, việc giải quyết tốt quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái cũng là yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững.

Ở Việt Nam, việc nghiên cứu về môi trường sinh thái cũng như việc đưa ra các giải pháp để bảo vệ môi trường sinh thái cũng đã bước đầu được quan tâm. Có thể nói, hiện nay, môi trường sinh thái Việt Nam có nhiều biểu hiện phức tạp. Mặc dù Việt Nam mới bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, song những vấn đề về môi trường sinh thái cũng đã có những biểu hiện suy thoái trầm trọng: các nguồn tài nguyên dân cạn kiệt, rừng và đất nông nghiệp bị thu hẹp, không khí bị ô nhiễm,...

Trong những năm qua, sự tăng trưởng về kinh tế tương đối mạnh nhưng lại chưa chú ý thích đáng đến việc bảo vệ môi trường sinh thái, tình trạng ô nhiễm môi trường sống chưa được kiểm soát đã làm

nảy sinh những nguy cơ lớn cho đời sống của nhân dân, chẳng hạn việc xuất hiện các "làng ung thư" ở Vĩnh Phúc, việc cá chết đồng loạt ở Đồng Nai, sự ô nhiễm ở các thành phố lớn, ở những vùng mới đô thị hóa,... Đây thực sự là những hiểm họa.

Có thể nói, nếu không giải quyết tốt vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái, chắc chắn trong thời gian không xa, nó sẽ có tác động xấu đến đời sống xã hội nói chung, tăng trưởng kinh tế nói riêng.

Sự suy thoái môi trường sinh thái, *một mặt*, đe dọa đến đời sống của nhân dân; *mặt khác*, làm cạn kiệt tài nguyên... Cả hai khía cạnh trên đều tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Hơn nữa, tăng trưởng kinh tế là để phát triển xã hội, để có tiến bộ xã hội, tăng trưởng kinh tế là vì cuộc sống của nhân dân. Do vậy, không thể chỉ chú ý đến tăng trưởng kinh tế mà không chú ý đến bảo vệ môi trường sinh thái. Đây là mối quan hệ hai chiều, *tăng trưởng kinh tế phải tạo điều kiện bảo vệ môi trường sinh thái và bảo vệ tốt môi trường sinh thái là điều kiện để tăng trưởng kinh tế.* Giải quyết tốt mối quan hệ trên cũng là một trong những yếu tố đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Để tạo sự phát triển bền vững cho đất nước, giờ đây, Việt Nam phải ý thức một cách rõ ràng là, *bên cạnh những dự án tăng trưởng kinh tế phải kèm theo những dự án bảo vệ môi trường sinh thái.* Đó là yêu cầu bắt buộc trong quá trình hoạch định chiến lược phát triển đất nước của Việt Nam thời gian tới.

Từ những sự phân tích trên, chúng ta có thể khẳng định rằng, để phát triển đất nước bền vững, trước hết chúng ta phải đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế. Không đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, sẽ không

có sự phát triển. Tuy nhiên, bên cạnh việc tăng trưởng kinh tế, chúng ta cần chú ý thích đáng đến *đảm bảo sự tiến bộ xã hội, đến việc bảo vệ môi trường sinh thái* (và những vấn đề khác nữa). Chỉ có giải quyết tốt các mối quan hệ đó, chúng ta mới tạo lập được sự phát triển bền vững cho đất nước.

Để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương sử dụng mọi nguồn lực (nhân loại, dân tộc; nội lực, ngoại lực)... miễn là nó không đi ngược lại lợi ích đất nước, không ảnh hưởng đến độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chẳng hạn, Việt Nam chủ trương sử dụng các ưu điểm của kinh tế thị trường, của nhà nước pháp quyền, các giá trị văn hoá truyền thống; hoặc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với việc chủ động tham gia hội nhập kinh tế thế giới; phát huy đại đoàn kết dân tộc với hợp tác quốc tế; huy động vốn trong nước và tranh thủ sự đầu tư từ bên ngoài,... Đây là những vấn đề đã được đề cập trong các văn kiện của Đảng, chính sách của Nhà nước cũng như được giới nghiên cứu lý luận quan tâm sâu sắc.

III. Những nội dung cơ bản về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Trên cơ sở tư tưởng chỉ đạo, phương châm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những chủ trương cơ bản nhằm hiện thực hoá con đường phát triển của xã hội Việt Nam trong công cuộc đổi mới đất nước. Đó là:

1. Kiên định phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa

Trong những năm trước đổi mới, nổi lên quan điểm cho rằng, chủ nghĩa xã hội

và kinh tế thị trường như nước và lửa, không thể tương dung. Người ta thường xem kinh tế thị trường là nét đặc trưng cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, kinh tế có kế hoạch mới là nét đặc trưng cho nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Những quan điểm cho rằng chủ nghĩa xã hội cũng phải áp dụng kinh tế thị trường đều bị phê phán, lên án là chạy theo luận điệu tuyên truyền của chủ nghĩa tư bản, là xa rời lý tưởng cộng sản, bị quy là “xét lại”.

Cùng với công cuộc đổi mới, quan niệm như trên dần dần đã bị loại bỏ. Hiện nay, các nghiên cứu lý luận đều cho rằng, kinh tế thị trường là thành tựu chung của văn minh nhân loại. Nó không chỉ được vận hành trong chủ nghĩa tư bản, mà còn hoàn toàn phù hợp với chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta hoàn toàn có cơ sở để khẳng định kinh tế thị trường là một động lực mạnh mẽ thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển nhằm xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật cho chủ nghĩa cộng sản. Chính vì vậy, ngay từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, sử dụng nhiều hình thức sở hữu. Chủ trương này hình thành từ Đại hội VI và được hoàn thiện dần qua các kỳ đại hội. Đến Đại hội IX, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: “Thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền sản xuất hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”(2).

Việc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.86.

vừa phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, vừa phù hợp với yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam. Nó cũng đáp ứng yêu cầu của việc xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ, vừa phù hợp với yêu cầu tham gia hội nhập kinh tế thế giới.

Hơn thế nữa, việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là kết quả tất yếu của quá trình xã hội hoá tư bản chủ nghĩa trong thời đại ngày nay, là xu hướng phát triển của kinh tế thị trường hiện đại. Do vậy, Việt Nam đã khẳng định sự cần thiết phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xem đó là phương thức tất yếu trong suốt thời kỳ quá độ.

Như vậy, có thể nói, Việt Nam lựa chọn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là hoàn toàn phù hợp với quy luật phát triển khách quan của xã hội hiện đại. Ngày nay, để phát triển, mọi nước phải vận dụng cơ chế và các quy luật kinh tế thị trường nhằm phục vụ các mục tiêu và lợi ích xã hội của các chế độ khác nhau. Để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong khi phát triển kinh tế thị trường, Việt Nam chủ trương:

-Phát triển kinh tế phải đảm bảo tiến bộ xã hội, công bằng xã hội.

-Phát triển kinh tế phải gắn với phát triển giáo dục - đào tạo, văn hoá và khoa học - công nghệ.

-Phát triển kinh tế phải dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

-Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ

Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ, chưa trải qua công nghiệp hóa, lao động thủ công là phổ biến. Theo lý luận hình thái kinh tế - xã hội thì mỗi hình thái kinh tế - xã hội có một trình độ phát triển nhất định về lực lượng sản xuất, tức cơ sở vật chất - kỹ thuật cho xã hội đó. Để có chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải có một cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại hơn hẳn chủ nghĩa tư bản. Chính vì vậy, việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, phát triển lực lượng sản xuất là nhiệm vụ hàng đầu đảm bảo cho sự thành công của chủ nghĩa xã hội.

Để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội thì cái thiếu lớn nhất của Việt Nam là nền đại công nghiệp. Chính vì vậy, việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một đòi hỏi khách quan, tất yếu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Khác với quá trình công nghiệp hóa ở các nước tư bản trước đây, trong thời đại ngày nay, công nghiệp hóa phải gắn liền với hiện đại hóa. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam chính là phương thức quan trọng để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Đó là *nhiệm vụ trung tâm* trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Chính vì tầm quan trọng của công nghiệp hóa mà trong quá trình đổi mới, Việt Nam luôn dành cho nó sự chú trọng đúng mức. Đại hội giữa nhiệm kỳ khoá VII đưa ra chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đại hội VIII đã đưa ra mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ trương phải đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ở Việt Nam, công nghiệp

hóa, hiện đại hóa có những nét riêng, trong quá trình công nghiệp hóa, tùy theo hoàn cảnh, điều kiện mà có thể đi thẳng vào hiện đại hóa. Đúng như Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: “*Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Phát huy nguồn nhân lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người Việt Nam; coi phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”(3).

3. Kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với việc xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp trong suốt thời kỳ quá độ

Trước thời kỳ đổi mới, với quan niệm cho rằng, mỗi bước tiến của quan hệ sản xuất cũng là bước tiến của lực lượng sản xuất và do vậy, đã có lúc, Việt Nam chủ trương xây dựng quan hệ sản xuất tiên tiến làm nền cho sự phát triển lực lượng sản xuất. Từ đó, Việt Nam đã nhanh chóng xây dựng quan hệ sản xuất mới. Dùng “quan hệ sản xuất tiên tiến để kéo lực lượng sản xuất lạc hậu tiến lên”. Đi vào đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thấy rõ sự sai lầm của quan niệm này.

Từ khi tiến hành đổi mới tư duy, nhận thức về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ngày càng khoa học hơn. Theo lý luận hình thái kinh tế – xã hội thì xã hội vận hành, phát triển

tuân theo quy luật khách quan: quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Nếu quan hệ sản xuất phù hợp thì nó sẽ tạo điều kiện thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển; ngược lại, nó sẽ kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Như vậy, quan hệ sản xuất do trình độ phát triển của lực lượng sản xuất quy định. Việc xóa bỏ sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất phải lấy trình độ xã hội hoá rất cao của lực lượng sản xuất làm tiền đề. Mọi chế độ sở hữu, mọi loại hình kinh tế đều có vai trò tích cực đối với sự phát triển xã hội, khi chúng còn tạo điều kiện cho sự giải phóng lực lượng sản xuất, trong đó yếu tố quan trọng nhất là người lao động. Có thể khẳng định rằng, mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là giải phóng con người, là thiết lập một xã hội mà ở đó, “*sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người*” (C.Mác và Ph.Ăngghen). Xóa bỏ sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất chỉ là điều kiện để đạt mục tiêu đó. Cho nên, tùy theo trình độ phát triển của lực lượng sản xuất mà xác lập quan hệ sản xuất phù hợp là một quan niệm đúng đắn.

Ở Việt Nam hiện nay, lực lượng sản xuất còn ở trình độ phát triển thấp, nên chưa thể xác lập ngay quan hệ sản xuất tiên tiến xã hội chủ nghĩa. Việc tồn tại nhiều thành phần kinh tế với nhiều kiểu quan hệ sản xuất trên cơ sở nhiều hình thức sở hữu là một tất yếu khách quan.

Để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển thì tùy theo trình độ phát triển của nó, chúng ta phải chủ động xác lập quan hệ sản xuất phù hợp; không để cho quan

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđd.*, tr.91.

hệ sản xuất “lạc hậu” hoặc “vượt trước” trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Song, để nền kinh tế phát triển đảm bảo giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, trong quá trình phát triển kinh tế thị trường, phải làm cho kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể tạo thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân; phân phối theo kết quả lao động phải là hình thức phân phối chủ yếu.

4. Kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới về chính trị và các mặt khác của đời sống xã hội

Với phương châm giữ vững ổn định chính trị – xã hội trong quá trình tiến hành đổi mới, Việt Nam chủ trương đổi mới về kinh tế phải đi trước một bước. Quyết sách này tỏ rõ sự đúng đắn của nó trong thực tiễn đổi mới thời gian qua. Tuy nhiên, theo quy luật khách quan: cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, kinh tế quyết định chính trị, xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức đúng đắn rằng, cùng với đổi mới kinh tế, đã đến lúc phải đổi mới toàn diện và đồng bộ các mặt của đời sống xã hội. Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định mục tiêu và phương hướng tổng quát 5 năm 2006 – 2010 là: *“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới* (chúng tôi nhấn mạnh-V.V.V.), *huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát triển văn hoá; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị – xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát*

triển; tạo nền tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”(4).

Yêu cầu đổi mới toàn diện đất nước đòi hỏi phải thực hiện: *Thứ nhất*, đổi mới tư duy lý luận về chính trị và các mặt khác của đời sống xã hội phải theo kịp với đổi mới tư duy lý luận về kinh tế. Chẳng hạn, phải đổi mới tư duy lý luận về hệ thống chính trị, về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và hệ thống chính trị; về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về thực hiện việc quản lý của Nhà nước bằng pháp luật; về các tổ chức chính trị – xã hội,... *Thứ hai*, bên cạnh đổi mới tư duy lý luận một cách toàn diện, cũng phải tiến hành đổi mới *tư duy thực tiễn* để “lời nói đi đôi với việc làm”. Chẳng hạn, phải tiến hành cải cách bộ máy hành chính, cải cách tổ chức và hoạt động của các tổ chức chính trị – xã hội,... Một vấn đề bức xúc mà Việt Nam cần nhanh chóng tiến hành là phải xây dựng **cơ chế thực hiện** cho việc triển khai đường lối của Đảng, các chính sách của Nhà nước vào thực tiễn, cho việc triển khai các quan niệm lý luận (đúng đắn) vào thực tiễn. Chẳng hạn, cơ chế thực hiện dân chủ ở các ngành, các cấp; cơ chế kết hợp giữa các nhánh quyền lực (ở Việt Nam quyền lực nhà nước là thống nhất, song có sự phân công, phối hợp giữa các nhánh quyền lực); cơ chế chống tham nhũng, v.v.. Đây là một vấn đề hết sức quan trọng của việc gắn lý luận với thực tiễn, làm cho lý luận đi vào thực tiễn, lý luận và thực tiễn song hành với nhau trong suốt quá trình đổi mới. □

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.76.